BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Số: 3762/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 13 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
học kỳ 1, năm học 2017- 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Điều 11, Mục 2, Chương II của Điều lệ trường đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về Hiệu trưởng Trường Đại học Công lập;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/8/2007; Thông tư 31/2013/TT-BGDĐT, ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 2742/QĐ–ĐHCT, ngày 15/8/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3120/QĐ-ĐHCT, ngày 10/08/2016 về định mức học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên hệ chính quy được áp dụng từ học kỳ I, năm học 2016-2017; Căn cứ Quyết định số 3623/QĐ-ĐHCT, ngày 04/10/2017 về việc phân bổ chỉ tiêu học bổng khuyến khích học kỳ I, năm học 2017-2018 cho sinh viên khóa 43;

Căn cứ Quyết định số 3174/QĐ-ĐHCT, ngày 06/09/2017 và số 3433/QĐ-ĐHCT, ngày 26/09/2017 về việc thu nhận sinh viên khóa 43;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2017-2018 cho **646 sinh viên chính quy** trúng tuyển vào đại học năm 2017 tại Trường Đại học Cần Thơ:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích được chi trả theo quy định hiện hành. Thời gian cấp học bổng là 04 tháng từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2017.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài vụ, Trưởng khoa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Trần Thị Thanh Hiền

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PCTSV, T.05.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017-2018

Học Kỳ 1 - Năm Học 2017 - 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3762 /QĐ-ĐHCT, ngày 13 tháng 10 năm 2017)

Stt	Lớp	Số SV lớp	Tổng số SV	Thực phát	Quỹ HB	Đơn vị	Ghi chú
1	CA17X5A	51	4	2,520,000	2,570,400	CA	
2	DA1766A	132	10	6,300,000	6,552,000	DA	
3	DA1766T	46	4	2,520,000	2,318,400	DA	
4	DA17Y3A	49	5	3,150,000	2,469,600	DA	
5	DI1795A	93	8	5,040,000	4,687,200	DI	
6	DI1796A	135	10	6,300,000	6,804,000	DI	
7	DI17V7A	318	27	17,010,000	15,976,800	DI	
8	DI17V7F	69	6	3,780,000	3,477,600	DI	
9	DI17Y1A	56	4	2,520,000	2,822,400	DI	
10	DI17Y9A	95	8	5,040,000	4,788,000	DI	
11	DI17Z6A	120	9	5,670,000	6,048,000	DI	
12	FL17V1A	114	10	6,300,000	5,695,200	FL	
13	FL17X1A	45	3	1,890,000	2,268,000	FL	
14	FL17X2A	20	2	1,260,000	1,008,000	FL	
15	FL17Z8A	87	8	5,040,000	4,334,400	FL	
16	FL17Z9A	65	5	3,150,000	3,276,000	FL	
17	HG1713A	13	1	630,000	655,200	HG	
18	HG1722A	90	9	5,670,000	4,485,600	HG	
19	HG1723A	54	4	2,520,000	2,721,600	HG	
20	HG1763A	54	4	2,520,000	2,721,600	HG	
21	HG17T2A	52	4	2,520,000	2,620,800	HG	
22	HG17U7A	40	3	1,890,000	2,016,000	HG	
23	HG17V1A	101	9	5,670,000	5,040,000	HG	
24	HG17V2A	39	3	1,890,000	1,965,600	HG	
25	HG17V7A	59	5	3,150,000	2,973,600	HG	
26	HG17W8A	88	7	4,410,000	4,384,800	HG	
27	KH1769A	56	4	2,520,000	2,822,400	KH	
28	KH1789A	51	4	2,520,000	2,570,400	KH	
29	KH1794A	61	3	1,890,000	3,024,000	KH	
30	KH17T3A	75	6	3,780,000	3,780,000	KH	
31	KH17U1A	17	1	630,000	856,800	KH	
32	KT1720A	110	9	5,670,000	5,493,600	KT	
33	KT1721A	131	13	8,190,000	6,552,000	KT	
34	KT1722A	147	12	7,560,000	7,408,800	KT	
35	KT1723A	121	9	5,670,000	6,098,400	KT	
36	KT1745A	75	7	4,410,000	3,780,000	KT	
37	KT1790A	66	5	3,150,000	3,276,000	KT	
38	KT17V5A	101	8	5,040,000	5,040,000	KT	
39	KT17W1A	111	10	6,300,000	5,594,400	KT	
40	KT17W2A	110	10	6,300,000	5,544,000	KT	

Stt	Lớp	Số SV lớp	Tổng số SV	Thực phát	Quỹ HB	Đơn vị	Ghi chú
41	KT17W3A	125	10	6,300,000	6,300,000	KT	
42	KT17W4A	121	8	5,040,000	6,098,400	KT	
43	KT17W4F	110	9	5,670,000	5,544,000	KT	
44	LK1763A	76	6	3,780,000	3,830,400	LK	
45	LK1764A	89	7	4,410,000	4,435,200	LK	
46	LK1765A	112	8	5,040,000	5,644,800	LK	
47	ML17U3A	63	5	3,150,000	3,175,200	ML	
48	ML17V9A	68	5	3,150,000	3,326,400	ML	
49	ML17X4A	30	2	1,260,000	1,461,600	ML	
50	MT1725A	85	7	4,410,000	4,233,600	MT	
51	MT1738A	97	6	3,780,000	4,888,800	MT	
52	MT1757A	114	9	5,670,000	5,695,200	MT	
53	MT17U2A	36	2	1,260,000	1,814,400	MT	
54	MT17V4A	13	1	630,000	655,200	MT	
55	MT17X7A	59	5	3,150,000	2,973,600	MT	
56	NN1708A	156	12	7,560,000	7,812,000	NN	
57	NN1712A	136	10	6,300,000	6,753,600	NN	
58	NN1719A	94	7	4,410,000	4,687,200	NN	
59	NN1767A	150	11	6,930,000	7,560,000	NN	
60	NN1772A	24	2	1,260,000	1,209,600	NN	
61	NN1773A	148	13	8,190,000	7,408,800	NN	
62	NN17U5A	62	5	3,150,000	3,124,800	NN	
63	NN17V8A	59	5	3,150,000	2,973,600	NN	
64	NN17X8A	121	11	6,930,000	6,048,000	NN	
65	NN17X9A	31	2	1,260,000	1,562,400	NN	
66	NN17Y4A	45	4	2,520,000	2,217,600	NN	
67	NN17Z1A	22	2	1,260,000	1,108,800	NN	
68	SP1701A	44	3	1,890,000	2,217,600	SP	
69	SP1702A	36	3	1,890,000	1,814,400	SP	
70	SP1709A	32	2	1,260,000	1,562,400	SP	
71	SP1710A	27	2	1,260,000	1,360,800	SP	
72	SP1716A	28	2	1,260,000	1,411,200	SP	
73	SP1717A	40	3	1,890,000	2,016,000	SP	
74	SP1718A	30	3	1,890,000	1,512,000	SP	
75	SP17U8A	25	3	1,890,000	1,260,000	SP	
76	SP17X3A	34	3	1,890,000	1,713,600	SP	
77	TD17X6A	39	3	1,890,000	1,965,600	TD	
78	TN1761A	151	11	6,930,000	7,610,400	TN	
79	TN1783A	129	11	6,930,000	6,501,600	TN	
80	TN1784A	122	10	6,300,000	6,199,200	TN	
81	TN1785A	14	1	630,000	705,600	TN	
82	TN1793A	107	8	5,040,000	5,292,000	TN	
83	TN17T1A	65	6	3,780,000	3,276,000	TN	
84	TN17T2A	210	16	10,080,000	10,533,600	TN	
85	TN17T4A	32	2	1,260,000	1,612,800	TN	
86	TN17U9A	36	3	1,890,000	1,814,400	TN	

Stt	Lớp	Số SV lớp	Tổng số SV	Thực phát	Quỹ HB	Đơn vị	Ghi chú
87	TN17V6A	131	10	6,300,000	6,552,000	TN	
88	TN17V6F	34	3	1,890,000	1,764,000	TN	
89	TN17Y5A	110	9	5,670,000	5,544,000	TN	
90	TN17Y6A	112	8	5,040,000	5,644,800	TN	
91	TN17Y8A	112	9	5,670,000	5,644,800	TN	
92	TN17Z5A	133	10	6,300,000	6,703,200	TN	
93	TS1713A	171	14	8,820,000	8,618,400	TS	
94	TS1713T	16	1	630,000	806,400	TS	
95	TS1776A	42	3	1,890,000	2,116,800	TS	
96	TS1782A	105	10	6,300,000	5,292,000	TS	
97	TS17W5A	38	3	1,890,000	1,915,200	TS	
98	XH17U4A	69	6	3,780,000	3,477,600	XH	
99	XH17W7A	91	7	4,410,000	4,536,000	XH	
100	XH17W8A	97	7	4,410,000	4,838,400	XH	
101	XH17W9A	60	4	2,520,000	3,024,000	XH	
Tổng Cộng:		**8085**	**646**	**406,980,000**	**405,921,600**		

Đơn vị tính: VNĐ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH

Học Kỳ 1 - Năm Học 2017 - 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3762 /QĐ-ĐHCT, ngày 13 tháng 10 năm 2017)

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Khối lớp: CA17X5A					
Lớp: CA17X5A1					
1.00	B1708435	Trần Văn Hào	21.75	630.000	
2.00	B1708455	Nguyễn Hoàng Thông	19.50	630.000	
3.00	B1708460	Trần Thị Khả Tú	19.75	630.000	
4.00	B1710276	Huỳnh Thị Kim Đồng	20.00	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**2.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.570.400					
Khối lớp: DA1766A					
Lớp: DA1766A1					
1.00	B1703231	Nguyễn Văn Tuấn Anh	24.50	630.000	
2.00	B1703251	Ngô Huỳnh Xuân Hồng	24.75	630.000	
3.00	B1703300	Trần Trương Phương Thắm	28.75	630.000	
4.00	B1703322	Nguyễn Thị Diễm Xuân	24.50	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: DA1766A2					
1.00	B1703326	Võ Dương Lan Anh	26.00	630.000	
2.00	B1703327	Nguyễn Thị Mỹ Ái	25.50	630.000	
3.00	B1703361	Dương Thế Long	25.50	630.000	
4.00	B1703391	Nguyễn Trí Thanh	25.50	630.000	
5.00	B1703394	Trần Kiều Diệu Thi	25.25	630.000	
6.00	B1703408	Thái Huỳnh Ngọc Trâm	25.50	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Cộng khối:				**6.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.552.000					
Khối lớp: DA17Y3A					
Lớp: DA17Y3A1					
1.00	B1704504	Quách Kim Quyến	22.00	630.000	
2.00	B1704541	Huỳnh Trí Hải	21.00	630.000	
3.00	B1704559	Hồ Ngọc Lan Nhi	21.75	630.000	
4.00	B1704561	Huỳnh Thị Cẩm Nhung	21.00	630.000	
5.00	B1704576	Phạm Thị Kim Thì	21.00	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**3.150.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.469.600					
Khối lớp: DI1795A					
Lớp: DI1795A1					
1.00	B1704602	Lê Thành Duy	20.50	630.000	
2.00	B1704603	Phạm Thành Duy	22.50	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
3.00	B1704613	Nguyễn Thị Cẩm Hường	20.75	630.000	
4.00	B1704615	Nguyễn Anh Khoa	20.00	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: DI1795A2					
1.00	B1704670	Lê Nguyên Khải	20.25	630.000	
2.00	B1704697	Nguyễn Thị Anh Thư	21.75	630.000	
3.00	B1704701	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	20.00	630.000	
4.00	B1704702	Nguyễn Kiều Trinh	24.00	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**5.040.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.687.200					
Khối lớp: DI1796A					
Lớp: DI1796A1					
1.00	B1704716	Nguyễn Thị Diện	25.00	630.000	
2.00	B1704748	Hà Tấn Lộc	24.75	630.000	
3.00	B1704761	Nguyễn Lâm Nhựt	24.75	630.000	
4.00	B1704776	Đoàn Ngọc Thưởng	26.00	630.000	
5.00	B1704785	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	24.75	630.000	
6.00	B1704787	Lê Thành Tú	25.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Lớp: DI1796A2					
1.00	B1704798	Hồ Bá Duy	24.75	630.000	
2.00	B1704833	Khưu Tử Minh	26.00	630.000	
3.00	B1704842	Hồ Việt Phát	26.00	630.000	
4.00	B1704862	Nguyễn Phương Trang	25.25	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**6.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.804.000					
Khối lớp: DI17V7A					
Lớp: DI17V7A1					
1.00	B1706507	Phạm Phước Nhân	23.25	630.000	
2.00	B1706514	Lê Hoàng Phú	25.00	630.000	
3.00	B1706518	Trần Hữu Quí	23.25	630.000	
4.00	B1706552	Nguyễn Hữu Tỷ	25.00	630.000	
5.00	B1706555	Lê Hồng Quốc Vương	23.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Lớp: DI17V7A2					
1.00	B1706606	Ngụy Hữu Lộc	24.50	630.000	
2.00	B1706616	Phan Chánh Nghĩa	23.50	630.000	
3.00	B1706655	Nguyễn Chí Tôn	26.50	630.000	
4.00	B1706657	Võ Nhật Triều	23.25	630.000	
5.00	B1706670	Nguyễn Xuân Xắc	25.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Lớp: DI17V7A3					
1.00	B1706682	Phạm Khánh Duy	24.00	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
2.00	B1706711	Đặng Trung Kiên	23.50	630.000	
3.00	B1706749	Trương Văn Sang	25.00	630.000	
4.00	B1706759	Trần Thị Mai Thi	23.25	630.000	
5.00	B1706780	Trương Mỹ Vân	24.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Lớp: DI17V7A4					
1.00	B1706854	Đặng Hoàng Phú	24.75	630.000	
2.00	B1706888	Đặng Anh Tuấn	24.75	630.000	
3.00	B1706892	Huỳnh Lê Tỷ	23.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: DI17V7A5					
1.00	B1706538	Nguyễn Công Thức	23.25	630.000	
2.00	B1706714	Hồ Thị Lài	24.75	630.000	
3.00	B1706718	Phùng Dương Linh	27.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: DI17V7A6					
1.00	B1706559	Nguyễn Lan Anh	25.25	630.000	
2.00	B1706570	Dương Hồ Dũ	23.50	630.000	
3.00	B1706583	Nguyễn Vinh Hiển	24.25	630.000	
4.00	B1706641	Trương Quốc Thái	24.50	630.000	
5.00	B1706663	Lê Thanh Tú	23.75	630.000	
6.00	B1706860	Lê Thị Mỹ Quỳnh	24.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Cộng khối:				**17.010.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.976.800					
Khối lớp: DI17Y1A					
Lớp: DI17Y1A1					
1.00	B1706480	Phan Ngọc Đình Khang	24.50	630.000	
2.00	B1706564	Nguyễn Quốc Cường	24.25	630.000	
3.00	B1706568	Phạm Hoàng Duy	25.75	630.000	
4.00	B1706737	Trần Quỳnh Khả Như	24.00	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**2.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.822.400					
Khối lớp: DI17Y9A					
Lớp: DI17Y9A1					
1.00	B1709297	Lục Thanh Nhạc	22.50	630.000	
2.00	B1709301	Trần Đức Phương	26.00	630.000	
3.00	B1709317	Huỳnh Kim Trọng	22.25	630.000	
4.00	B1709321	Ngô Trung Vinh	24.75	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: DI17Y9A2					
1.00	B1709325	Nguyễn Thị Lan Anh	27.25	630.000	
2.00	B1709347	Nguyễn Thanh Lâm	22.25	630.000	
3.00	B1709353	Nguyễn Thị Hiếu Nghĩa	22.75	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
4.00	B1709362	Huỳnh Khả Siêu	24.25	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**5.040.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.788.000					
Khối lớp: DI17Z6A					
Lớp: DI17Z6A1					
1.00	B1709546	Nguyễn Tấn Lực	23.25	630.000	
2.00	B1709566	Nguyễn Phương Tây	24.50	630.000	
3.00	B1709569	Lê Văn Chí Thiện	22.75	630.000	
4.00	B1709571	Trần Vĩnh Thuận	23.25	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: DI17Z6A2					
1.00	B1709589	Nguyễn Lê Thái Dương	22.50	630.000	
2.00	B1709590	Nguyễn Việt Đông	23.50	630.000	
3.00	B1709608	Nguyễn Phan Thế Minh	22.50	630.000	
4.00	B1709618	Tạ Đặng Vĩnh Phúc	27.50	630.000	
5.00	B1709632	Đào Công Tính	22.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**5.670.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.048.000					
Khối lớp: FL17V1A					
Lớp: FL17V1A1					
1.00	B1705897	Đồng Thị Cẩm Thương	26.75	630.000	
2.00	B1705972	Lê Trung Hậu	25.75	630.000	
3.00	B1705974	Ngô Thị Ngọc Huyền	25.25	630.000	
4.00	B1705976	Trần Lý Khánh	25.50	630.000	
5.00	B1705994	Lê Thị Thúy Quyên	25.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Lớp: FL17V1A2					
1.00	B1705909	Võ Vân Anh	25.25	630.000	
2.00	B1705958	Hồng Thị Khánh Vân	26.25	630.000	
3.00	B1706029	Vũ Nguyễn Kim Khánh	26.50	630.000	
4.00	B1706030	Phạm Thị Kim Khuê	25.25	630.000	
5.00	B1706061	Lâm Thanh Trúc	25.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**6.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.695.200					
Khối lớp: FL17X1A					
Lớp: FL17X1A1					
1.00	B1708280	Hồ Lê Thiên Nhi	27.25	630.000	
2.00	B1708281	Trịnh Hồng Nhung	26.25	630.000	
3.00	B1708290	Nguyễn Thị Xuân Trang	26.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.268.000					
Khối lớp: FL17X2A					

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Lớp: FL17X2A1					
1.00	B1708315	Nguyễn Mỹ Linh	21.00	630.000	
2.00	B1708318	Nguyễn Thiên Minh	19.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**1.260.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.008.000					
Khối lớp: FL17Z8A					
Lớp: FL17Z8A1					
1.00	B1705871	Trần Anh Kiệt	25.25	630.000	
2.00	B1705882	Nguyễn Thị Thiên Nhi	25.75	630.000	
3.00	B1705898	Quách Phước Tiến	26.00	630.000	
4.00	B1705986	Lưu Nguyễn Khanh Nghi	25.25	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: FL17Z8A2					
1.00	B1705948	Đỗ Nguyễn Lam Thuyên	25.50	630.000	
2.00	B1706035	La Hương Mơ	25.25	630.000	
3.00	B1706036	Bùi Thị Tuyết Ngân	26.50	630.000	
4.00	B1706052	Trương Thị Thắm	26.00	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**5.040.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.334.400					
Khối lớp: FL17Z9A					
Lớp: FL17Z9A1					
1.00	B1709655	Liêu Duy Khánh	23.00	630.000	
2.00	B1709674	Nguyễn Thị Yến Thanh	22.50	630.000	
3.00	B1709675	Trần Vĩnh Thiên	25.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: FL17Z9A2					
1.00	B1709692	Nguyễn Trần Ái Đăng	22.00	630.000	
2.00	B1709713	Trần Cảnh Phước	22.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**3.150.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.276.000					
Khối lớp: HG1713A					
Lớp: HG1713A1					
1.00	B1700828	Thạch Thị Nêl	20.00	630.000	
Cộng lớp:				**630.00**	
Cộng khối:				**630.00**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 655.200					
Khối lớp: HG1722A					
Lớp: HG1722A1					
1.00	B1701603	Nguyễn Hữu Triết	21.50	630.000	
2.00	B1709794	Phạm Thị Trà My	20.75	630.000	
3.00	B1709797	Nguyễn Thị Huỳnh Như	21.00	630.000	
4.00	B1709804	Huỳnh Thanh Đức Tín	20.75	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Lớp: HG1722A2					
1.00	B1701634	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	20.75	630.000	
2.00	B1709812	Bùi Thị Như Bình	21.25	630.000	
3.00	B1709832	Trương Mỹ Tiên	20.75	630.000	
4.00	B1709835	Nguyễn Hoàng Trân	22.25	630.000	
5.00	B1709836	Lê Thanh Tùng	22.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**5.670.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.485.600					
Khối lớp: HG1723A					
Lớp: HG1723A1					
1.00	B1701821	Lê Thị Huỳnh Ngân	18.25	630.000	
2.00	B1709851	Trương Kim Nguyên	18.25	630.000	
3.00	B1709857	Nguyễn Phương Trúc Quỳnh	19.25	630.000	
4.00	B1709858	Trần Thanh Tâm	18.25	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**2.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.721.600					
Khối lớp: HG1763A					
Lớp: HG1763A1					
1.00	B1702320	Vũ Trần Phương Vi	25.50	630.000	
2.00	B1702329	Phạm Thái Hiền	24.75	630.000	
3.00	B1702341	Nguyễn Thị Tuyết Nhanh	24.00	630.000	
4.00	B1702353	Nguyễn Thị Diễm Trang	24.50	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**2.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.721.600					
Khối lớp: HG17T2A					
Lớp: HG17T2A1					
1.00	B1705200	Nguyễn Thành Đạt	19.25	630.000	
2.00	B1705243	Nguyễn Quốc Trọng	19.25	630.000	
3.00	B1709962	Lê Thanh Phong	20.00	630.000	
4.00	B1710388	Đặng Tấn Đảm	22.50	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**2.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.620.800					
Khối lớp: HG17U7A					
Lớp: HG17U7A1					
1.00	B1705744	Lương Hoàng Phúc	18.25	630.000	
2.00	B1709999	Lê Thị Huyền	19.00	630.000	
3.00	B1710002	Nguyễn Thị Mỹ Khanh	18.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.016.000					
Khối lớp: HG17V1A					
Lớp: HG17V1A1					

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
1.00	B1706081	Nguyễn Thu Ngân	22.00	630.000	
2.00	B1706095	Đỗ Thị Bích Thuyền	21.75	630.000	
3.00	B1706096	Nguyễn Thị Ngọc Thy	22.25	630.000	
4.00	B1710024	Huỳnh Nam Anh	23.25	630.000	
5.00	B1710032	Trang Huỳnh Hương	22.00	630.000	
6.00	B1710035	Đào Duy Lộc	22.50	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Lớp: HG17V1A2					
1.00	B1706138	Trần Khánh Vân	22.75	630.000	
2.00	B1710063	Hồ Nhật Hà	21.75	630.000	
3.00	B1710093	Thiều Thị Xuyến	22.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**5.670.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.040.000					
Khối lớp: HG17V2A					
Lớp: HG17V2A1					
1.00	B1701102	Châu Thị Mộng Tuyền	21.50	630.000	
2.00	B1705743	Đào Chí Nhân	22.00	630.000	
3.00	B1709776	Đặng Thành Thắng	20.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.965.600					
Khối lớp: HG17V7A					
Lớp: HG17V7A1					
1.00	B1706923	Nguyễn Lê Duy Khang	19.00	630.000	
2.00	B1706925	Lê Việt Khải	18.50	630.000	
3.00	B1710115	Trịnh Bảo Minh	19.00	630.000	
4.00	B1710117	Trần Thị Yến Nhi	19.75	630.000	
5.00	B1710440	Nguyễn Hà Giang	18.50	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**3.150.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.973.600					
Khối lớp: HG17W8A					
Lớp: HG17W8A1					
1.00	B1708113	Dương Thị Ngọc Hân	23.50	630.000	
2.00	B1708138	Bùi Dy Tình	24.00	630.000	
3.00	B1710206	Lê Sơn An	23.25	630.000	
4.00	B1710237	Trần Minh Trường	23.50	630.000	
5.00	B1710436	Trần Sang	23.50	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Lớp: HG17W8A2					
1.00	B1710268	Tô Minh Thắng	23.75	630.000	
2.00	B1710272	Hồ Thị Tuyền	23.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**4.410.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.384.800					

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Khối lớp: KH1769A					
Lớp: KH1769A1					
1.00	B1703695	Lý Thanh Danh	24.75	630.000	
2.00	B1703718	Trịnh Hồng An Lạc	23.75	630.000	
3.00	B1703732	Nguyễn Vũ Phong	23.50	630.000	
4.00	B1703740	Đoàn Thanh Tại	23.50	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**2.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.822.400					
Khối lớp: KH1789A					
Lớp: KH1789A1					
1.00	B1704331	Phùng Tuấn Anh	20.75	630.000	
2.00	B1704345	Mai Thị Hợp	21.50	630.000	
3.00	B1704349	Lưu Gia Khiêm	26.50	630.000	
4.00	B1709915	Trần Thị Kim Anh	21.25	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**2.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.570.400					
Khối lớp: KH1794A					
Lớp: KH1794A1					
1.00	B1704534	Nguyễn Thị Loan Anh	23.00	630.000	
2.00	B1704538	Nguyễn Thị Dung	22.00	630.000	
3.00	B1704583	Nguyễn Ngọc Trâm	22.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.024.000					
Khối lớp: KH17T3A					
Lớp: KH17T3A1					
1.00	B1705252	Dương Thị Ngọc Cầm	25.25	630.000	
2.00	B1705265	Nguyễn Hồ Gia Huy	25.50	630.000	
3.00	B1705288	Bùi Thanh Nhỏa	25.50	630.000	
4.00	B1705317	Nguyễn Minh Toàn	25.25	630.000	
5.00	B1705327	Nguyễn Hoàng Tuấn	25.75	630.000	
6.00	B1705333	Trần Nguyễn Lan Vy	26.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Cộng khối:				**3.780.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.780.000					
Khối lớp: KH17U1A					
Lớp: KH17U1A1					
1.00	B1705383	Bùi Phạm Ngọc Khánh	21.75	630.000	
Cộng lớp:				**630.00**	
Cộng khối:				**630.00**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 856.800					
Khối lớp: KT1720A					
Lớp: KT1720A1					
1.00	B1701129	Bùi Thị Diễm Chi	24.50	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
2.00	B1701151	Lê Hồng Ngọc Mỹ	24.50	630.000	
3.00	B1701156	Trương Bảo Ngọc	26.00	630.000	
4.00	B1701180	Trần Huyền Trân	24.75	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: KT1720A2					
1.00	B1701188	Nghiêm Ngọc Anh	25.25	630.000	
2.00	B1701208	Trần Nhất Lam	24.75	630.000	
3.00	B1701216	Nguyễn Tuyết Nghi	24.50	630.000	
4.00	B1701223	Nguyễn Huỳnh Như	26.75	630.000	
5.00	B1701246	Lý Hoàng Phượng Uyên	27.00	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**5.670.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.493.600					
Khối lớp: KT1721A					
Lớp: KT1721A1					
1.00	B1701258	Đào Ngọc Duy	23.75	630.000	
2.00	B1701282	Nguyễn Võ Thu Ngân	23.75	630.000	
3.00	B1701289	Trần Minh Nhật	24.25	630.000	
4.00	B1701293	Trần Hà Nhi	27.50	630.000	
5.00	B1701304	Bùi Hoàng Thanh	24.00	630.000	
6.00	B1701315	Phạm Ngọc Trân	23.75	630.000	
7.00	B1701321	Huỳnh Chí Tường	24.25	630.000	
Cộng lớp:				**4.410.000**	
Lớp: KT1721A2					
1.00	B1701328	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	24.25	630.000	
2.00	B1701335	Bùi Đình Duy	23.75	630.000	
3.00	B1701341	Dương Hân Hân	24.50	630.000	
4.00	B1701363	Nguyễn Minh Ngọc	23.75	630.000	
5.00	B1701383	Trương Trường Thạnh	23.75	630.000	
6.00	B1701402	Bùi Thị Trúc Vy	27.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Cộng khối:				**8.190.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.552.000					
Khối lớp: KT1722A					
Lớp: KT1722A1					
1.00	B1701408	Võ Thị Huỳnh Anh	25.75	630.000	
2.00	B1701412	Lê Thị Mỹ Duyên	26.75	630.000	
3.00	B1701421	Trần Công Hiệp	25.50	630.000	
4.00	B1701433	Đặng Minh Luận	25.25	630.000	
5.00	B1701448	Thân Minh Nhựt	26.00	630.000	
6.00	B1701463	Trần Phúc Thiện	25.25	630.000	
7.00	B1701472	Lê Trung Tín	25.25	630.000	
Cộng lớp:				**4.410.000**	
Lớp: KT1722A2					
1.00	B1701440	Nguyễn Ngọc Thanh Nhã	26.00	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
2.00	B1701500	Huỳnh Kiện Đỉnh	25.00	630.000	
3.00	B1701527	Trương Thị Yến Nhi	24.75	630.000	
4.00	B1701536	Nguyễn Thị Như Quỳnh	27.25	630.000	
5.00	B1701549	Đỗ Nhật Thư	28.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**7.560.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.408.800					
Khối lớp: KT1723A					
Lớp: KT1723A1					
1.00	B1701652	Bùi Thị Thùy Dương	21.00	630.000	
2.00	B1701655	Nguyễn Huỳnh Vũ Hào	21.00	630.000	
3.00	B1701670	Lê Thị Mỹ Linh	21.00	630.000	
4.00	B1701703	Lưu Nguyễn Tố Thư	21.50	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: KT1723A2					
1.00	B1701723	Lê Bùi Tâm Anh	21.25	630.000	
2.00	B1701725	Huỳnh Văn Bỉnh	22.75	630.000	
3.00	B1701746	Nguyễn Thanh Lam	21.00	630.000	
4.00	B1701788	Nguyễn Thị Huyền Trân	21.25	630.000	
5.00	B1701801	Đặng Như Ý	21.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**5.670.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.098.400					
Khối lớp: KT1745A					
Lớp: KT1745A1					
1.00	B1702514	Lê Khả Hân	25.00	630.000	
2.00	B1702527	Võ Thị Tuyết Nhung	24.50	630.000	
3.00	B1702537	Vũ Thị Minh Thu	24.75	630.000	
4.00	B1702541	Trương Huỳnh Minh Thư	23.75	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: KT1745A2					
1.00	B1702552	Đồng Đặng Mỹ Danh	24.50	630.000	
2.00	B1702561	Nguyễn Hoàng Trúc Linh	23.25	630.000	
3.00	B1702569	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	23.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**4.410.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.780.000					
Khối lớp: KT1790A					
Lớp: KT1790A1					
1.00	B1704388	Đặng Kỳ An	21.00	630.000	
2.00	B1704409	Nguyễn Hiền Nhi	22.00	630.000	
3.00	B1704416	Phan Ngọc Thiên Thanh	21.25	630.000	
4.00	B1704418	Phạm Nguyễn Trang Thi	21.75	630.000	
5.00	B1704425	Huỳnh Nhật Vy	22.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**3.150.000**	

.Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.276.000					
Khối lớp: KT17V5A					
Lớp: KT17V5A1					
1.00	B1706168	Nguyễn Thị Ngọc Hảo	24.00	630.000	
2.00	B1706173	Nguyễn Thị Mỹ Linh	24.50	630.000	
3.00	B1706180	Trịnh Hồ Vũ Ngân	23.75	630.000	
4.00	B1706195	Nguyễn Hoàng Thúy Quyên	25.50	630.000	
5.00	B1706204	Nguyễn Minh Thư	26.00	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Lớp: KT17V5A2					
1.00	B1706225	Phan Cảnh Trương Đăng	24.50	630.000	
2.00	B1706250	Nguyễn Thành Phát	25.50	630.000	
3.00	B1706253	Trương Nguyễn Hải Phượng	24.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**5.040.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.040.000					
Khối lớp: KT17W1A					
Lớp: KT17W1A1					
1.00	B1707187	Diệp Phát Đạt	24.75	630.000	
2.00	B1707214	Nguyễn Thanh Nhã	25.00	630.000	
3.00	B1707221	Nguyễn Gia Phúc	24.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: KT17W1A2					
1.00	B1707254	Lê Nguyễn Thùy Dương	23.50	630.000	
2.00	B1707264	Đỗ Quang Huy	23.50	630.000	
3.00	B1707267	Trần Thị Kim Hương	24.00	630.000	
4.00	B1707278	Hạ Kim Ngân	23.50	630.000	
5.00	B1707287	Ngô Minh Nhựt	24.00	630.000	
6.00	B1707300	Hồ Thanh Thủy	24.00	630.000	
7.00	B1707311	Nguyễn Thị Cẩm Tú	24.00	630.000	
Cộng lớp:				**4.410.000**	
Cộng khối:				**6.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.594.400					
Khối lớp: KT17W2A					
Lớp: KT17W2A1					
1.00	B1707329	Lưu Thành Đạt	24.25	630.000	
2.00	B1707342	Vương Mỹ Kim	26.50	630.000	
3.00	B1707356	Dương Thị Quỳnh Như	24.50	630.000	
4.00	B1707366	Trần Ngọc Phương Quỳnh	24.50	630.000	
5.00	B1707370	Nguyễn Phương Thảo	24.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Lớp: KT17W2A2					
1.00	B1707387	Phan Vân Anh	25.00	630.000	
2.00	B1707392	Giang Ngọc Dung	24.75	630.000	
3.00	B1707399	Hồ Hải Hào	24.25	630.000	
4.00	B1707410	Nguyễn Văn Lập	24.25	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
5.00	B1707448	Nguyễn Thị Hoàng Yến	24.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**6.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.544.000					
Khối lớp: KT17W3A					
Lớp: KT17W3A1					
1.00	B1707453	Trương Thị Ái	22.75	630.000	
2.00	B1707458	Nguyễn Ngọc Duyên	23.25	630.000	
3.00	B1707468	Trần Gia Huy	23.50	630.000	
4.00	B1707503	Châu Chí Thắng	22.75	630.000	
5.00	B1707512	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	24.25	630.000	
6.00	B1707516	Nguyễn Thị Phi Yến	25.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Lớp: KT17W3A2					
1.00	B1707533	Phạm Thanh Hồng	24.25	630.000	
2.00	B1707542	Nguyễn Thị Thanh Loan	24.00	630.000	
3.00	B1707547	Trần Thảo Ngân	24.25	630.000	
4.00	B1707552	Nguyễn Thị Phương Nguyên	24.50	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**6.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.300.000					
Khối lớp: KT17W4A					
Lớp: KT17W4A1					
1.00	B1707597	Nguyễn Thị Thu Hiền	25.50	630.000	
2.00	B1707635	Nguyễn Phước Thịnh	25.75	630.000	
3.00	B1707637	Trần Thị Thi Thơ	25.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: KT17W4A2					
1.00	B1707675	Diệp Yến Linh	25.25	630.000	
2.00	B1707677	Nguyễn Phương Linh	25.00	630.000	
3.00	B1707685	Thái Thụy Phương Nghi	26.00	630.000	
4.00	B1707695	Huỳnh Ngọc Như	25.00	630.000	
5.00	B1707715	Trần Phương Trang	25.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**5.040.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.098.400					
Khối lớp: LK1763A					
Lớp: LK1763A1					
1.00	B1702012	Nguyễn Hồng Phúc	26.25	630.000	
2.00	B1702136	Nguyễn Nguyện Thanh Hà	27.00	630.000	
3.00	B1702192	Nguyễn Thị Ngọc Trân	26.25	630.000	
4.00	B1702197	Trương Thị Kim Tươi	26.50	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: LK1763A2					
1.00	B1702093	Nguyễn Kiều Phương	27.25	630.000	
2.00	B1702112	Nguyễn Thị Huyền Trân	27.50	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**3.780.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.830.400					
Khối lớp: LK1764A					
Lớp: LK1764A1					
1.00	B1701972	Phạm Thị Mỹ Duyên	26.50	630.000	
2.00	B1701987	Trương Tuấn Kiệt	26.50	630.000	
3.00	B1702184	Ngô Thị Ngọc Thư	26.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: LK1764A2					
1.00	B1702056	Phạm Thị Huỳnh Giao	28.50	630.000	
2.00	B1702073	Nguyễn Khánh Minh	28.00	630.000	
3.00	B1702086	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	27.50	630.000	
4.00	B1702274	Nguyễn Vũ Trường	27.25	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**4.410.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.435.200					
Khối lớp: LK1765A					
Lớp: LK1765A1					
1.00	B1701983	Tạ Thị Xuân Huỳnh	26.75	630.000	
2.00	B1701996	Đặng Bích Ngân	27.25	630.000	
3.00	B1702021	Nguyễn Minh Yên Thi	27.25	630.000	
4.00	B1702141	Phạm Dương Hoàng Huy	27.50	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: LK1765A2					
1.00	B1702212	Nguyễn Thị Thùy Dương	26.50	630.000	
2.00	B1702261	Võ Thị Mỹ Thi	26.75	630.000	
3.00	B1702272	Đoàn Kim Trinh	26.50	630.000	
4.00	B1702273	Nguyễn Thành Trung	26.75	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**5.040.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.644.800					
Khối lớp: ML17U3A					
Lớp: ML17U3A1					
1.00	B1705449	Phạm Khánh Hưng	23.50	630.000	
2.00	B1705472	Trần Quốc Tổng	23.00	630.000	
3.00	B1705483	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	26.75	630.000	
4.00	B1705497	Huỳnh Hoàng Khai	23.25	630.000	
5.00	B1705506	Cao Trung Nhân	23.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**3.150.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.175.200					
Khối lớp: ML17V9A					
Lớp: ML17V9A1					
1.00	B1707106	Lê Văn Nghị	26.00	630.000	
2.00	B1707117	Nguyễn Ngọc Cẩm Thu	25.75	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
3.00	B1707134	Trần Thị Duy	27.00	630.000	
4.00	B1707144	Nguyễn Chí Khang	25.25	630.000	
5.00	B1707147	Lê Hoàng Kiệt	25.00	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**3.150.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.326.400					
Khối lớp: ML17X4A					
Lớp: ML17X4A1					
1.00	B1708402	Đỗ Thùy Ngân	24.00	630.000	
2.00	B1708407	Nguyễn Yến Nhi	24.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**1.260.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.461.600					
Khối lớp: MT1725A					
Lớp: MT1725A1					
1.00	B1701878	Huỳnh Uyên Minh	22.25	630.000	
2.00	B1701879	Cao Tuyết Ngân	21.50	630.000	
3.00	B1701907	Tô Thiện Ý	21.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: MT1725A2					
1.00	B1701917	Cao Thị Cẩm Lệ Gian	21.75	630.000	
2.00	B1701927	Trần Thị Thùy Hương	22.00	630.000	
3.00	B1701950	Nguyễn Tấn Tài	23.75	630.000	
4.00	B1701956	Hồ Thị Huyền Trân	22.50	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**4.410.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.233.600					
Khối lớp: MT1738A					
Lớp: MT1738A1					
1.00	B1702360	Đỗ Huỳnh Ngân Anh	22.00	630.000	
Cộng lớp:				**630.00**	
Lớp: MT1738A2					
1.00	B1702439	Trần Thị Diễm	20.75	630.000	
2.00	B1702453	Mai Quốc Huy	20.75	630.000	
3.00	B1702457	Đinh Thị Kim	22.75	630.000	
4.00	B1702462	Đoàn Hùng Minh	23.00	630.000	
5.00	B1702487	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	20.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**3.780.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.888.800					
Khối lớp: MT1757A					
Lớp: MT1757A1					
1.00	B1702911	Trần Thị Ngọc Huyền	22.00	630.000	
2.00	B1702943	Lê Thành Phương	20.75	630.000	
3.00	B1702956	Dương Thị Ngọc Trâm	20.75	630.000	
4.00	B1709870	Lê Minh Duy	21.00	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: MT1757A2					
1.00	B1702984	Ngô Tấn Hưng	21.50	630.000	
2.00	B1702997	Nguyễn Phương Ngân	23.00	630.000	
3.00	B1703013	Văn Công Hoàng Phúc	22.25	630.000	
4.00	B1703023	Lê Minh Thuận	20.75	630.000	
5.00	B1709896	Đào Hồng Ngự	21.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**5.670.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.695.200					
Khối lớp: MT17U2A					
Lớp: MT17U2A1					
1.00	B1705406	Dương Hoàng Huy	23.00	630.000	
2.00	B1705413	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**1.260.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.814.400					
Khối lớp: MT17V4A					
Lớp: MT17V4A1					
1.00	B1706140	Nguyễn Trường An	19.25	630.000	
Cộng lớp:				**630.00**	
Cộng khối:				**630.00**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 655.200					
Khối lớp: MT17X7A					
Lớp: MT17X7A1					
1.00	B1708550	Hồ Nguyễn Thiện Hữu	24.25	630.000	
2.00	B1708565	Ngô Hoàng Thảo	24.00	630.000	
3.00	B1708570	Huỳnh Bảo Trân	23.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: MT17X7A2					
1.00	B1708581	Võ Trường Giang	23.25	630.000	
2.00	B1708598	Trần Huỳnh Đông Phong	23.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**3.150.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.973.600					
Khối lớp: NN1708A					
Lớp: NN1708A1					
1.00	B1700103	Trần Triệu Dĩ	23.75	630.000	
2.00	B1700113	Nguyễn Thế Hiển	24.25	630.000	
3.00	B1700120	Trần Chương Khải	24.50	630.000	
4.00	B1700161	Đỗ Chí Thân	24.00	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: NN1708A2					
1.00	B1700222	Ngô Gia Minh	25.25	630.000	
2.00	B1700223	Lê Thị Diễm My	23.75	630.000	
3.00	B1700255	Nguyễn Thị Ngọc Thẩm	24.25	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
4.00	B1700264	Nguyễn Thị Thủy Tiên	25.50	630.000	
5.00	B1700275	Nguyễn Lê Bích Tuyền	25.00	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Lớp: NN1708A3					
1.00	B1700134	Võ Thị Kim Ngân	23.75	630.000	
2.00	B1700152	Trương Thị Kim Phụng	25.25	630.000	
3.00	B1700281	Huỳnh Kim Yến	24.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**7.560.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.812.000					
Khối lớp: NN1712A					
Lớp: NN1712A1					
1.00	B1700401	Trần Hoàng Nam	22.75	630.000	
2.00	B1700416	Lê Lâm Hồng Quân	25.25	630.000	
3.00	B1700431	Nguyễn Minh Thư	22.50	630.000	
4.00	B1700433	Võ Thị Phượng Tiên	22.25	630.000	
5.00	B1700438	Nguyễn Minh Trường	22.75	630.000	
6.00	B1700439	Trần Thượng Tuấn	22.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Lớp: NN1712A2					
1.00	B1700453	Nguyễn Thị Đoàn Thảo Duyên	22.00	630.000	
2.00	B1700492	Trương Vĩnh Phúc	24.00	630.000	
3.00	B1700506	Phan Thị Cẩm Thúy	24.50	630.000	
4.00	B1700521	Lê Ngọc Vẹn	22.00	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**6.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.753.600					
Khối lớp: NN1719A					
Lớp: NN1719A1					
1.00	B1700990	Châu Thành Lộc	25.25	630.000	
2.00	B1701016	Lê Công Thoại	23.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Lớp: NN1719A2					
1.00	B1701039	Nguyễn Ngọc Hiệp	27.00	630.000	
2.00	B1701044	Hứa Tú Liêm	24.50	630.000	
3.00	B1701060	Nguyễn Hoàng Phong	25.00	630.000	
4.00	B1701064	Trần Thanh Sang	23.25	630.000	
5.00	B1701066	Trương Thanh Tâm	26.00	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**4.410.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.687.200					
Khối lớp: NN1767A					
Lớp: NN1767A1					
1.00	B1703489	Lê Hoàng Duy Khang	24.25	630.000	
2.00	B1703536	Nguyễn Lê Minh Tâm	24.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Lớp: NN1767A2					
1.00	B1703615	Trương Hoài Linh	24.00	630.000	
2.00	B1703653	Tống Minh Sĩ	24.25	630.000	
3.00	B1703669	Võ Thị Thanh Tiền	24.25	630.000	
4.00	B1703683	Lê Trọng Vĩnh	24.75	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: NN1767A3					
1.00	B1703483	Phan Quốc Huy	24.00	630.000	
2.00	B1703485	Nguyễn Việt Hùng	25.75	630.000	
3.00	B1703569	Võ Thị Bảo Yến	24.50	630.000	
4.00	B1703590	Trần Long Hải	25.00	630.000	
5.00	B1703684	Phương Chấn Vũ	25.50	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**6.930.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.560.000					
Khối lớp: NN1772A					
Lớp: NN1772A1					
1.00	B1709910	Quách Trần Tiểu Hưng	18.25	630.000	
2.00	B1709912	Nguyễn Thị Hồng Tươi	18.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**1.260.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.209.600					
Khối lớp: NN1773A					
Lớp: NN1773A1					
1.00	B1703792	Nguyễn Chí Bình	24.00	630.000	
2.00	B1703802	Nguyễn Bá Hậu	23.75	630.000	
3.00	B1703812	Nguyễn Duy Linh	24.75	630.000	
4.00	B1703820	Trần Quí Ngọc	24.25	630.000	
5.00	B1703835	Lê Tuấn Thành	24.50	630.000	
6.00	B1703841	Lê Công Toàn	24.75	630.000	
7.00	B1703842	Trần Thị Bích Trâm	23.75	630.000	
Cộng lớp:				**4.410.000**	
Lớp: NN1773A2					
1.00	B1703856	Phạm Hữu Duy	24.50	630.000	
2.00	B1703884	Trần Thị Cẩm Nhung	24.25	630.000	
3.00	B1703900	Dương Văn Tình	24.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: NN1773A3					
1.00	B1703927	Nguyễn Dương Khang	23.75	630.000	
2.00	B1703938	Phạm Minh Nghi	24.00	630.000	
3.00	B1703955	Hồ Chí Thật	26.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**8.190.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.408.800					
Khối lớp: NN17U5A					
Lớp: NN17U5A1					

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
1.00	B1705650	Nguyễn Ngọc Dung	21.50	630.000	
2.00	B1705688	Đinh Thị Bích Tuyền	22.75	630.000	
3.00	B1705690	Lê Ngọc Tường Vi	21.50	630.000	
4.00	B1705707	Huỳnh Tấn Huy Hoàng	22.75	630.000	
5.00	B1705713	Lý Khánh Linh	21.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**3.150.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.124.800					
Khối lớp: NN17V8A					
Lớp: NN17V8A1					
1.00	B1707019	Trịnh Gia Hân	22.00	630.000	
2.00	B1707030	Trần Phương Linh	22.00	630.000	
3.00	B1707032	Nguyễn Lê Minh	24.00	630.000	
4.00	B1707075	Nguyễn Thị Tú Trinh	21.75	630.000	
5.00	B1710173	Lý Tuấn Kiệt	23.00	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**3.150.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.973.600					
Khối lớp: NN17X8A					
Lớp: NN17X8A1					
1.00	B1708617	Nguyễn Minh Chánh	22.00	630.000	
2.00	B1708651	Lê Thị Huỳnh Như	21.25	630.000	
3.00	B1708662	Thái Ngọc Thịnh	21.25	630.000	
4.00	B1708665	Phạm Trọng Thức	23.75	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: NN17X8A2					
1.00	B1708689	Lê Thị Hồng Điệp	21.50	630.000	
2.00	B1708691	Nguyễn Hồng Hải	23.00	630.000	
3.00	B1708709	Võ Thị Hồng Ngọc	22.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: NN17X8A3					
1.00	B1708753	Nguyễn Ngọc Đỉnh	21.25	630.000	
2.00	B1708755	Trần Thị Mỹ Hạnh	22.25	630.000	
3.00	B1708774	Kiều Phước Nguyễn	23.00	630.000	
4.00	B1708793	Lê Thị Minh Thương	23.50	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**6.930.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.048.000					
Khối lớp: NN17X9A					
Lớp: NN17X9A1					
1.00	B1708816	Lê Thị Kim Đoan	21.50	630.000	
2.00	B1708823	Phạm Hải Huỳnh	24.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**1.260.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.562.400					
Khối lớp: NN17Y4A					

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Lớp: NN17Y4A1					
1.00	B1703480	Võ Thái Hòa	24.75	630.000	
2.00	B1703570	Huỳnh Tuấn Anh	26.25	630.000	
3.00	B1703575	Nguyễn Thanh Bình	26.25	630.000	
4.00	B1703608	Nguyễn Thị Thúy Khang	24.25	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**2.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.217.600					
Khối lớp: NN17Z1A					
Lớp: NN17Z1A1					
1.00	B1708678	Nguyễn Văn An	21.00	630.000	
2.00	B1708775	Võ Hoàng Nhẫn	23.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**1.260.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.108.800					
Khối lớp: SP1701A					
Lớp: SP1701A1					
1.00	B1700010	Nguyễn Hồng Chi	25.00	630.000	
2.00	B1700014	Nguyễn Ngọc Đăng Duy	27.00	630.000	
3.00	B1700046	Huỳnh Tuyết Trân	25.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.217.600					
Khối lớp: SP1702A					
Lớp: SP1702A1					
1.00	B1700055	Nguyễn Thanh Hải	23.00	630.000	
2.00	B1700062	Lê Đăng Khoa	25.25	630.000	
3.00	B1700082	Nguyễn Huỳnh Thi	23.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.814.400					
Khối lớp: SP1709A					
Lớp: SP1709A1					
1.00	B1700298	Phan Nguyễn Hoàng Nam	26.75	630.000	
2.00	B1700301	Huỳnh Thảo Nguyên	26.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**1.260.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.562.400					
Khối lớp: SP1710A					
Lớp: SP1710A1					
1.00	B1700328	Trần Chí Cảnh	23.50	630.000	
2.00	B1700338	Đỗ Nguyễn Phương Hảo	22.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**1.260.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.360.800					
Khối lớp: SP1716A					

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Lớp: SP1716A1					
1.00	B1700860	Hồ Nhật Minh	25.25	630.000	
2.00	B1700864	Nguyễn Hoài Phong	26.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**1.260.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.411.200					
Khối lớp: SP1717A					
Lớp: SP1717A1					
1.00	B1700893	Phạm Lê Thùy Dương	27.75	630.000	
2.00	B1700906	Nguyễn Thị Như Ngọc	28.25	630.000	
3.00	B1700915	Lê Toàn Thắng	27.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.016.000					
Khối lớp: SP1718A					
Lớp: SP1718A1					
1.00	B1700930	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	24.50	630.000	
2.00	B1700934	Nguyễn Thị Ngọc Hà	24.50	630.000	
3.00	B1700965	Trần Bích Trăm	25.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.512.000					
Khối lớp: SP17U8A					
Lớp: SP17U8A1					
1.00	B1705789	Nguyễn Thị Ngọc Hân	23.00	630.000	
2.00	B1705792	Huỳnh Đỗ Mạnh Khang	21.25	630.000	
3.00	B1705811	Trần Tấn Thành	21.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.260.000					
Khối lớp: SP17X3A					
Lớp: SP17X3A1					
1.00	B1708346	Nguyễn Huỳnh Trúc Giang	23.25	630.000	
2.00	B1708364	Đặng Diễm Quỳnh	23.25	630.000	
3.00	B1708380	Nguyễn Thị Mỹ Xuân	23.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.713.600					
Khối lớp: TD17X6A					
Lớp: TD17X6A1					
1.00	B1708502	Lê Văn Đạo	21.25	630.000	
2.00	B1708529	Bùi Thị Cẩm Tiên	20.75	630.000	
3.00	B1708534	Trần Lê Thiện Vinh	23.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.965.600					

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Khối lớp: TN1761A					
Lớp: TN1761A1					
1.00	B1703052	Nguyễn Thành Đạt	23.25	630.000	
2.00	B1703124	Nguyễn Thanh Trí	25.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Lớp: TN1761A2					
1.00	B1703144	Nguyễn Thanh Duy	23.00	630.000	
2.00	B1703154	Phạm Vũ Nhật Hào	24.50	630.000	
3.00	B1703182	Trần Công Minh	22.75	630.000	
4.00	B1703189	Tạ Hồng Nhật	26.50	630.000	
5.00	B1703197	Nguyễn Minh Quang	24.00	630.000	
6.00	B1703218	Võ Ngọc Thùy Trang	25.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Lớp: TN1761A3					
1.00	B1703109	Nguyễn Thanh Tâm	22.75	630.000	
2.00	B1703130	Hoàng Châu Tú	23.25	630.000	
3.00	B1703160	Hồ Trần Đăng Huy	25.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**6.930.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.610.400					
Khối lớp: TN1783A					
Lớp: TN1783A1					
1.00	B1704214	Nguyễn Thị Thu Ngân	22.75	630.000	
2.00	B1704222	Lương Quỳnh Như	22.50	630.000	
3.00	B1704227	Phan Thị Kim Phụng	23.00	630.000	
4.00	B1704241	Võ Thị Thủy Tiên	22.75	630.000	
5.00	B1704242	Trương Kim Tiền	27.00	630.000	
6.00	B1704251	Trần Xuân Uyên	22.50	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Lớp: TN1783A2					
1.00	B1704301	Bùi Thị Thúy Phượng	24.50	630.000	
2.00	B1704307	Lê Phương Thảo	24.25	630.000	
3.00	B1704311	Phạm Quốc Thuần	24.50	630.000	
4.00	B1704312	Đinh Thị Thu Thủy	22.50	630.000	
5.00	B1704329	Nguyễn Huỳnh Như Ý	24.00	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**6.930.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.501.600					
Khối lớp: TN1784A					
Lớp: TN1784A1					
1.00	B1702599	Nguyễn Thanh Cao	23.50	630.000	
2.00	B1702626	Huỳnh Chí Khang	25.25	630.000	
3.00	B1702674	Đặng Phước Thịnh	23.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: TN1784A2					

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
1.00	B1702717	Tạ Anh Hào	23.00	630.000	
2.00	B1702719	Đoàn Văn Hiếu	22.75	630.000	
3.00	B1702723	Nguyễn Thanh Huy	23.25	630.000	
4.00	B1702733	Nguyễn Y Khoa	23.00	630.000	
5.00	B1702759	Đỗ Văn Quang	23.00	630.000	
6.00	B1702787	Nguyễn Thành Trung	22.75	630.000	
7.00	B1702789	Đào Thanh Tú	23.50	630.000	
Cộng lớp:				**4.410.000**	
Cộng khối:				**6.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.199.200					
Khối lớp: TN1785A					
Lớp: TN1785A1					
1.00	B1702862	Bùi Thanh Quyến	24.00	630.000	
Cộng lớp:				**630.00**	
Cộng khối:				**630.00**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 705.600					
Khối lớp: TN1793A					
Lớp: TN1793A1					
1.00	B1702594	Tống Phước An	23.75	630.000	
2.00	B1702609	Nguyễn Ngọc Đạt	23.50	630.000	
3.00	B1702639	Trương Hoàng Long	24.50	630.000	
4.00	B1702670	Trần Hữu Thân	24.50	630.000	
5.00	B1702833	Nguyễn Công Khải	25.00	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Lớp: TN1793A2					
1.00	B1702695	Nguyễn Hoàng Anh	23.50	630.000	
2.00	B1702715	Trương Hoàng Giang	24.25	630.000	
3.00	B1702783	Phạm Phi Toàn	24.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**5.040.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.292.000					
Khối lớp: TN17T1A					
Lớp: TN17T1A1					
1.00	B1704885	Hứa Sơn Đăng	21.50	630.000	
2.00	B1704907	Nguyễn Văn Liêm	21.50	630.000	
3.00	B1704908	Huỳnh Minh Luân	25.75	630.000	
4.00	B1704910	Huỳnh Nhật Minh	20.75	630.000	
5.00	B1704911	Vưu Bích Ngọc	20.75	630.000	
6.00	B1704932	Trần Hoàng Thông	21.50	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Cộng khối:				**3.780.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.276.000					
Khối lớp: TN17T2A					
Lớp: TN17T2A1					
1.00	B1704963	Lê Minh Duyệt	24.00	630.000	
2.00	B1704981	Vũ Đình Hậu	24.75	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
3.00	B1704986	Phạm Văn Hiền	24.25	630.000	
4.00	B1705007	Bùi Minh Luân	24.75	630.000	
5.00	B1705008	Trần Minh Luận	23.75	630.000	
6.00	B1705016	Nguyễn Thị Ngoan	23.75	630.000	
7.00	B1705017	Đinh Minh Nhả	24.75	630.000	
8.00	B1705044	Nguyễn Lý Thanh Thảo	24.75	630.000	
Cộng lớp:				**5.040.000**	
Lớp: TN17T2A2					
1.00	B1705098	Nguyễn Huỳnh Đức	24.00	630.000	
2.00	B1705123	Nguyễn Tuấn Kiệt	24.00	630.000	
3.00	B1705159	Trần Thanh Sang	24.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: TN17T2A3					
1.00	B1705059	Lâm Đào Hữu Trí	23.75	630.000	
2.00	B1705062	Phạm Nhựt Trường	24.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Lớp: TN17T2A4					
1.00	B1705070	Nguyễn Phạm Thế Anh	23.75	630.000	
2.00	B1705157	Phạm Minh Quân	25.25	630.000	
3.00	B1705186	Trần An Trường	23.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**10.080.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.533.600					
Khối lớp: TN17T4A					
Lớp: TN17T4A1					
1.00	B1705336	Huỳnh Trường An	19.75	630.000	
2.00	B1705358	Lê Thành Nhân	23.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Cộng khối:				**1.260.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.612.800					
Khối lớp: TN17U9A					
Lớp: TN17U9A1					
1.00	B1705831	Võ Hoàng Khang	19.50	630.000	
2.00	B1705842	Hà Ngọc Nhạn	23.00	630.000	
3.00	B1705843	Lê To Ni	22.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.814.400					
Khối lớp: TN17V6A					
Lớp: TN17V6A1					
1.00	B1706280	Trịnh Khả Di	24.50	630.000	
2.00	B1706283	Phạm Hải Đăng	24.50	630.000	
3.00	B1706313	Ngô Khánh Nguyên	25.50	630.000	
4.00	B1706320	Võ Ngọc Ý Như	26.50	630.000	
5.00	B1706331	Trương Thiên Tài	25.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Lớp: TN17V6A2					
1.00	B1706384	Trần Ngọc Linh	24.50	630.000	
2.00	B1706394	Lê Phước Nguyên	26.25	630.000	
3.00	B1706399	Phạm Văn Nhiều	25.00	630.000	
4.00	B1706412	Nguyễn Chí Tài	24.75	630.000	
5.00	B1706430	Nguyễn Thanh Tuấn	24.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**6.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.552.000					
Khối lớp: TN17Y5A					
Lớp: TN17Y5A1					
1.00	B1708856	Quách Đạt Bình	23.50	630.000	
2.00	B1708858	Châu Quốc Công	21.25	630.000	
3.00	B1708870	Nguyễn Thanh Hậu	22.75	630.000	
4.00	B1708893	Đặng Hữu Nhân	24.25	630.000	
5.00	B1708899	Nguyễn Tấn Phát	22.00	630.000	
6.00	B1708905	Lê Minh Tân	22.00	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Lớp: TN17Y5A2					
1.00	B1708930	Lê Minh Duy	21.25	630.000	
2.00	B1708961	Lê Văn Thanh Nhã	21.00	630.000	
3.00	B1708977	Trần Thị Như Thảo	24.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**5.670.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.544.000					
Khối lớp: TN17Y6A					
Lớp: TN17Y6A1					
1.00	B1709029	Lê Hữu Nhân	23.50	630.000	
2.00	B1709054	Nguyễn Huỳnh Trí	23.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Lớp: TN17Y6A2					
1.00	B1709065	Trương Văn Cường	24.00	630.000	
2.00	B1709070	Cao Hồ Minh Đăng	23.50	630.000	
3.00	B1709085	Nguyễn Vũ Lâm	23.75	630.000	
4.00	B1709088	Nguyễn Trí Lộc	24.50	630.000	
5.00	B1709114	Trương Thanh Thiện	25.25	630.000	
6.00	B1709125	Hồ Hữu Trung	24.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Cộng khối:				**5.040.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.644.800					
Khối lớp: TN17Y8A					
Lớp: TN17Y8A1					
1.00	B1709174	Hạ Minh Quang	23.25	630.000	
2.00	B1709179	Trương Hoàng Tâm	25.75	630.000	
3.00	B1709182	Nguyễn Quốc Thắng	24.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Lớp: TN17Y8A2					
1.00	B1709234	Nguyễn Đặng Nguyên	26.50	630.000	
2.00	B1709237	Trần Nhựt Phong	23.25	630.000	
3.00	B1709250	Đặng Toàn Thiện	25.25	630.000	
4.00	B1709253	Giã Thành Toại	23.75	630.000	
5.00	B1709254	Nguyễn Hữu Trí	24.00	630.000	
6.00	B1709256	Nguyễn Tô Nhật Trường	23.50	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Cộng khối:				**5.670.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.644.800					
Khối lớp: TN17Z5A					
Lớp: TN17Z5A1					
1.00	B1709399	Nguyễn Thành Giang	22.75	630.000	
2.00	B1709414	Phạm Lê Khoa	21.25	630.000	
3.00	B1709419	Phạm Tấn Lộc	22.00	630.000	
4.00	B1710300	Hà Thiện Định	22.75	630.000	
5.00	B1710306	Võ Thành Lương	22.00	630.000	
6.00	B1710309	Lê Hồng Phong	22.50	630.000	
7.00	B1710319	Lê Trung Vương	21.75	630.000	
Cộng lớp:				**4.410.000**	
Lớp: TN17Z5A2					
1.00	B1709477	Dương Hoàng Khang	22.25	630.000	
2.00	B1710326	Lê Duy Khánh	20.50	630.000	
3.00	B1710335	Phan Hoài Thanh	20.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**6.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.703.200					
Khối lớp: TS1713A					
Lớp: TS1713A1					
1.00	B1700631	Đoàn Lan Thanh	21.75	630.000	
2.00	B1700670	Sử Thị Vẻ	22.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Lớp: TS1713A2					
1.00	B1700711	Nguyễn Ngọc Hơn	21.50	630.000	
2.00	B1700767	Phan Thị Ngọc Phúc	22.50	630.000	
3.00	B1700786	Đặng Hùng Thịnh	23.25	630.000	
4.00	B1700811	Dương Quốc Trường	22.25	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: TS1713A3					
1.00	B1700542	Mai Phạm Thuỳ Dương	23.50	630.000	
2.00	B1700562	Võ Việt Hoàng	22.00	630.000	
3.00	B1700574	Đặng Minh Khang	22.50	630.000	
4.00	B1700627	Nguyễn Thị Cẩm Sang	22.25	630.000	
5.00	B1700712	Đào Quang Huy	24.00	630.000	
6.00	B1700757	Thái Thanh Nhật	22.75	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
7.00	B1700758	Ngô Thị Yến Nhi	21.50	630.000	
8.00	B1700764	Lê Nguyễn Xuân Phát	22.00	630.000	
Cộng lớp:				**5.040.000**	
Cộng khối:				**8.820.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.618.400					
Khối lớp: TS1776A					
Lớp: TS1776A1					
1.00	B1703977	Trần Hồ Minh Huy	23.25	630.000	
2.00	B1704005	Nguyễn Hải Yến	22.50	630.000	
3.00	B1704011	Trần Thị Giàu	22.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.116.800					
Khối lớp: TS1782A					
Lớp: TS1782A1					
1.00	B1704058	Phạm Thị Huệ	20.75	630.000	
2.00	B1704068	Phan Diệu Linh	20.75	630.000	
3.00	B1704073	Đoàn Thanh Mẫn	22.75	630.000	
4.00	B1704093	Phạm Trường Thái	20.75	630.000	
5.00	B1704095	Huỳnh Thị Hồng Thắm	21.00	630.000	
6.00	B1704109	Lê Thị Kim Vàng	20.75	630.000	
Cộng lớp:				**3.780.000**	
Lớp: TS1782A2					
1.00	B1704114	Nguyễn Thị Hải Âu	21.75	630.000	
2.00	B1704136	Lê Nguyễn Thị Phương Linh	21.50	630.000	
3.00	B1704148	Lâm Tuyết Ngưng	21.75	630.000	
4.00	B1704155	Trịnh Thị Huỳnh Như	21.50	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**6.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.292.000					
Khối lớp: TS17W5A					
Lớp: TS17W5A1					
1.00	B1707799	Nguyễn Thị Chi	20.75	630.000	
2.00	B1707819	Phan Thị Ngọc Quỳnh	20.75	630.000	
3.00	B1710205	Lê Thị Hải Yến	20.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.915.200					
Khối lớp: XH17U4A					
Lớp: XH17U4A1					
1.00	B1705537	Vũ Minh Hiếu	24.00	630.000	
2.00	B1705540	Lê Tín Huy	24.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Lớp: XH17U4A2					
1.00	B1705596	Trần Minh Hoàng	24.50	630.000	
2.00	B1705598	Võ Thị Cẩm Hồng	25.00	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
3.00	B1705608	Nguyễn Thị Hồng My	24.50	630.000	
4.00	B1705628	Dương Thiện Thanh	24.00	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**3.780.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.477.600					
Khối lớp: XH17W7A					
Lớp: XH17W7A1					
1.00	B1707845	Phạm Trác Gương	25.75	630.000	
2.00	B1707851	Lê Hoàng Khang	24.50	630.000	
3.00	B1707883	Bùi Ngọc Anh Thư	25.50	630.000	
4.00	B1707885	Trần Hoàng Tính	24.75	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: XH17W7A2					
1.00	B1707910	Nguyễn Trung Hào	24.50	630.000	
2.00	B1707938	Trần Kim Quấn	25.75	630.000	
3.00	B1707947	Nguyễn Ngô Trang Thùy	24.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**4.410.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.536.000					
Khối lớp: XH17W8A					
Lớp: XH17W8A1					
1.00	B1707975	Trần Ngọc Huỳnh Giao	26.25	630.000	
2.00	B1707988	Nguyễn Thị Chúc Mai	26.00	630.000	
3.00	B1708001	Nguyễn Hữu Nhí	26.25	630.000	
4.00	B1708031	Nguyễn Thị Kim Yến	26.75	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Lớp: XH17W8A2					
1.00	B1708066	Trương Thị Ngọc	27.25	630.000	
2.00	B1708073	Phan Cẩm Nhu	26.00	630.000	
3.00	B1708101	Đàm Kim Ngọc Xuyên	26.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**4.410.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.838.400					
Khối lớp: XH17W9A					
Lớp: XH17W9A1					
1.00	B1708187	Đỗ Trí Cương	23.25	630.000	
2.00	B1708190	Trần Thị Trang Đài	22.00	630.000	
3.00	B1708213	Nguyễn Hồng Thy	22.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: XH17W9A2					
1.00	B1708220	Châu Huỳnh Ngọc Anh	21.75	630.000	
Cộng lớp:				**630.00**	
Cộng khối:				**2.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.024.000					
Khối lớp: DI17V7F					
Lớp: DI17V7F1					

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
1.00	B1702182	Trần Quốc Thịnh	25.00	630.000	
2.00	B1706971	Trầm Tiến Anh	24.75	630.000	
3.00	B1706994	Trần Hồng Phúc	26.75	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Lớp: DI17V7F2					
1.00	B1706983	Nguyễn Quốc Hưng	25.50	630.000	
2.00	B1706991	Trần Đăng Nhật	25.50	630.000	
3.00	B1706999	Vũ Ngọc Huệ Trân	24.25	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**3.780.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.477.600					
Khối lớp: KT17W4F					
Lớp: KT17W4F1					
1.00	B1707731	Trương Hoàng Anh	26.75	630.000	
2.00	B1707781	Trương Ái Thủy Tiên	25.50	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Lớp: KT17W4F2					
1.00	B1701708	Nguyễn Hoàng Đoan Trang	25.75	630.000	
2.00	B1707792	Đặng Trần Quốc Vinh	26.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.260.000**	
Lớp: KT17W4F3					
1.00	B1707661	Nguyễn Thị Kim Duyên	25.75	630.000	
2.00	B1707733	Lương Tiểu Băng	27.00	630.000	
3.00	B1707753	Trần Ngọc Mỹ	27.00	630.000	
4.00	B1707764	Nguyễn Hoàng Oanh	26.25	630.000	
5.00	B1707793	Lưu Tường Vy	26.25	630.000	
Cộng lớp:				**3.150.000**	
Cộng khối:				**5.670.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.544.000					
Khối lớp: TN17V6F					
Lớp: TN17V6F1					
1.00	B1703290	Phạm Quốc Phú	25.50	630.000	
2.00	B1706369	Khưu Gia Hân	25.75	630.000	
3.00	B1706372	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	25.00	630.000	
Cộng lớp:				**1.890.000**	
Cộng khối:				**1.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.764.000					
Khối lớp: DA1766T					
Lớp: DA1766T1					
1.00	B1703352	Hứa Ngọc Khanh	26.25	630.000	
2.00	B1703371	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	25.75	630.000	
3.00	B1703424	Ngô Thị Mỹ Duyên	25.75	630.000	
4.00	B1703444	Bùi Hoàng Thu Trang	25.75	630.000	
Cộng lớp:				**2.520.000**	
Cộng khối:				**2.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.318.400					

Stt	Mã SV	Họ và tên	Điểm tuyển sinh	Học bổng (đồng/tháng)	Ghi chú
Khối lớp: TS1713T					
Lớp: TS1713T1					
1.00	B1709769	Trần Huỳnh Nhật Hào	21.75	630.000	
Cộng lớp:				**630.000**	
Cộng khối:				**630.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 806.400					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Trần Thị Thanh Hiền